

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-PT

Ngày: 11 - 10 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Nhật Duật**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Duy Hải**; ông **Trần Quang Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
ông **Nguyễn Thành Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn H; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1975 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu X, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà: Nguyễn Thị D; có vợ là Hoàng Thị H1 và 02 con; tiền án: ngày 08/11/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Chí Long, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 13/7/2023 chấp hành xong hình phạt của bản án; tiền sự: không; nhân thân: (1) ngày 01/01/1993, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Triều (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; (2) ngày 09/5/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; (3) ngày 07/10/1996, bị Tòa

án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; (4) ngày 24/4/2000, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh đưa vào cơ sở G; (5) ngày 17/6/2004, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh đưa vào cơ sở giáo dục; (6) ngày 09/11/2018, bị Công an thị xã Đ xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại có kháng cáo:* chị Đào Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu X, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Lê Văn T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/3/2024, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 14Z1-489.10 đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn L, xã H, thị xã Đ thấy nhà chị Đào Thị T (sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn L, xã H, thị xã Đ) không khóa cổng, ở biệt lập ít người qua lại nên nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản. H dựng xe mô tô ngoài cổng rồi lấy 01 khẩu trang màu đen trong túi áo khoác để đeo che mặt rồi đi bộ vào nhà chị T. Lúc này nghe thấy tiếng động chị T mở hé cửa ra hỏi thì H nói “em mở cửa cho anh vào hỏi tí việc” nên chị T mở cửa cho H đi vào nhà. Khi vào nhà, H vẫn đeo khẩu trang rồi ngồi cùng chị T tại bàn uống nước kê gần cửa ra vào. Lúc này, nhìn thấy điện thoại Iphone 6 Plus của chị T đang để trên mặt bàn uống nước, H giả vờ hỏi “chồng có nhà không em, anh mua ít cây cảnh về chơi”, chị T hỏi lại “anh tên là gì, ai giới thiệu đến mua cây, chồng tôi không có ở nhà” rồi chị T yêu cầu H đi ra khỏi nhà mình. Thấy vậy, H đứng dậy đi về phía cửa ra vào, khi đi qua vị trí để điện thoại

và lợi dụng chị T không chú ý nên H đã lén lút cầm chiếc điện thoại của chị T rồi giấu vào túi quần bên phải đang mặc và đi ra cửa, chị T đi phía sau nhưng không biết sự việc. Sau đó, H ra lấy xe mô tô điều khiển đi về nhà.

Khi về đến nhà, H đưa chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt của chị T cho Vũ Thị Hồng C, sinh ngày 16/01/2006 (là con gái riêng của vợ H) và nói là vừa nhặt được, cho C sử dụng hoặc bán. Sau đó, C đưa chiếc điện thoại này lại cho chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1982 (là vợ của H và là mẹ của C) sử dụng.

Sau khi H ra khỏi nhà, chị T phát hiện bị mất điện thoại nên đã đến Cơ quan điều tra trình báo.

Ngày 09/3/2024, anh Lê Văn T1 (chồng chị T) nhắn tin đến số sim 0869.734.315 lắp trên điện thoại bị H trộm cắp để xin lại điện thoại; ngày 10/3/2024 chị H1 nhắn tin trả lời, nói bản thân mua lại chiếc điện thoại này và yêu cầu anh T1 chuộc lại với giá 1.000.000 đồng. Sau đó cả hai thống nhất anh T1 sẽ chuyển trước 500.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho chị H1, rồi chị H1 gửi điện thoại đến địa chỉ nhà anh T1, khi nhận lại điện thoại anh T1 sẽ trả 500.000 đồng còn thiếu cho người chuyển điện thoại. Ngày 11/3/2024, theo số tài khoản chị H1 cung cấp, anh T1 chuyển 500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 0375468086 mang tên Vũ Thị Hồng C, nhận được tiền, chị H1 bảo C rút hộ 500.000 đồng rồi sử dụng hết 10.000 đồng. Đến 13 giờ 30 phút ngày 11/3/2024, chị H1 đưa chiếc điện thoại trên cho C để đem đi bán. Lúc này H cũng đưa 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15S, vỏ màu xanh (gắn 02 sim) bảo C đem bán. Chưa bán được điện thoại thì C cùng H1 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ mời đến trụ sở Công an thị xã Đ làm việc nên đã tự nguyện giao nộp lại vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, lắp sim số 0869.743.415 cùng số tiền 490.000 đồng (do H1 giao nộp); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15S, vỏ màu xanh gắn sim số 0347.488.415 và 0975.106.212 (do C giao nộp); tạm giữ của C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen.

Ngày 12/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H đã thu giữ 01 áo khoác nam màu

xám đen không có mũ chùm đầu; 01 mũ lưới chai màu đen; 01 áo len dài tay màu đen; 01 quần kaki màu nâu xám; 01 giày vải màu đen và 01 khẩu trang y tế màu đen; tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 14Z1-498.10.

Bị hại chị Đào Thị T khai: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/3/2024, chị T đang ở nhà tại thôn L, xã H, thị xã Đ thì có 01 người đàn ông không quen biết khoảng 40 – 45 tuổi đi xe máy Honda Wave đến nhà hỏi mua cây cảnh nhưng chị T không bán, người đàn ông đó đi vào trong nhà ngồi trên chiếc ghế nhựa cạnh chiếc bàn gỗ ở giữa nhà, lúc này chị T có để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, lắp sim số 0869.734.315 trên mặt bàn gỗ, sau đó người đàn ông đi ra đằng sau nhà để xem cây, rồi người đàn ông đó quay lại trong nhà rồi đi ra ngay, chị T đi vào nhà thì không nhìn thấy chiếc điện thoại đâu nên đi ra cửa thì nhìn thấy người đàn ông lên xe máy đi mất, sau đó chị T đến Công an xã H trình báo sự việc. Nay chiếc điện thoại của chị T bị kẻ gian lấy trộm đã được Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ trả lại cho chị T, chị T không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T1 khai: anh T1 là chồng của chị Đào Thị T. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/3/2024, chị T bị kẻ gian vào nhà lấy mất chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, lắp sim số 0869.734.315, đến 19 giờ cùng ngày anh T1 đi làm về thì được nghe chị T kể lại sự việc rồi anh T1 đưa chị T đến Công an trình báo sự việc. Sau đó anh T1 dùng số điện thoại của anh T1 nhắn tin đến số điện thoại của chị T đã bị kẻ gian lấy mất với nội dung cho xin lại chiếc điện thoại, đến ngày 10/3/2024 anh T1 tiếp tục nhắn tin xin lại điện thoại thì có người nhắn lại phải trả 1.500.000 đồng thì mới giao điện thoại, sau khi trao đổi qua tin nhắn thì thoả thuận, anh T1 phải trả cho người đang quản lý điện thoại của chị T là 1.000.000 đồng, anh T1 đã chuyển khoản trước cho người đó 500.000 đồng đến số tài khoản mà người đó gửi cho anh T1. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã bắt được Nguyễn Văn H là người đã lấy điện thoại của chị T thì anh T1 mới biết người đã nhắn tin cho anh yêu cầu anh T1 trả tiền thì mới giao điện thoại của chị T tên là Hoàng Thị H1, cư trú tại khu X, phường X, thị xã Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị H1 khai: khoảng 14 giờ ngày 03/8/2024, chị H1 đang ở nhà thì Nguyễn Văn H (là chồng chị H1) đi đâu về có đưa cho con gái chị H1 là Vũ Thị Hồng C 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus và nói với C “cầm lấy mà dùng”. Sau đó, C đưa cho chị H1 sử dụng. Đến 15 giờ ngày 09/3/2024, có người sử dụng số điện thoại 0338.706.396 nhắn tin vào số điện thoại 0869.734.315 lắp trong chiếc điện thoại Iphone 6 plus mà H đưa cho chị H1 trước đó, để xin lại chiếc điện thoại Iphone 6 plus nhưng chị H1 không đồng ý cho người đó xin lại vì chị H1 có hỏi T1 thì T1 nói mua chiếc điện thoại đó 1.000.000 đồng. Đến sáng ngày 11/3/2024 người nhắn tin hôm trước lại gọi vào số điện thoại lắp trong chiếc điện thoại Iphone 6S plus, sau đó giữa chị H1 và người đó thỏa thuận, người xin lại điện thoại sẽ trả cho chị H1 1.000.000 đồng, đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 11/3/2024 người xin lại điện thoại chuyển khoản cho chị H1 500.000 đồng, khi nhận được tiền trong tài khoản chị H1 đã rút tiền và tiêu hết 10.000 đồng, còn 490.000 đồng, sau đó chị H1 lại đưa chiếc điện thoại này cho Vũ Thị Hồng C (là con gái riêng của chị H1) đem đi bán. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày Cơ quan Công an đã mời chị H1 về trụ sở làm việc, khi đến Công an làm việc chị H1 mới biết người nhắn tin xin lại chiếc điện thoại tên là Lê Văn T1, trú tại thôn L, xã H, thị xã Đ. Tại Cơ quan Công an, chị H1 đã giao nộp điện thoại và số tiền 490.000 đồng.

Người làm chứng cháu Vũ Thị Hồng C có lời khai trong quá trình điều tra như sau: khoảng 14 giờ ngày 08/3/2024 Nguyễn Văn H (là bố dượng của cháu C) đi đâu về có đưa cho cháu C 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus và bảo cháu C cầm lấy mà dùng, nhưng vì cháu C đang sử dụng chiếc điện thoại Iphone X nên cháu C đưa chiếc điện thoại này cho chị H1 (là mẹ đẻ của cháu C), sau đó chị H1 đưa cho cháu C chiếc điện thoại Iphone 6 Plus bảo mang đi bán, khi đó H cũng đưa cho cháu C chiếc điện thoại Vivo Y15S để mang đi bán, khi chưa bán được điện thoại thì Công an thị xã Đ mời cháu C đến trụ sở làm việc, cháu C đưa cho chị H1 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus để giao nộp cho Cơ quan Công an còn cháu C tự giao nộp cho Cơ quan Công an 01 chiếc điện thoại Iphone

X của cháu C đang sử dụng và 01 chiếc điện thoại Vivo Y15S của H đưa cho cháu C.

Tại bản kết luận định giá số 21 ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Đ kết luận:

- Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, vỏ màu vàng, bộ nhớ điện thoại 16GB, tình trạng máy cũ, đã qua sử dụng của chị Đào Thị T có giá trị 1.000.000đ (một triệu đồng).

- Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, vỏ màu xanh, bộ nhớ điện thoại 32GB, tình trạng máy cũ đã qua sử dụng có giá trị 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, bị hại Đào Thị T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng nặng hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo thấy bị hại là phụ nữ khuyết tật nặng, đang mang thai và nuôi con nhỏ nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp. Mức hình phạt 12 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là chưa thích đáng.

Trước phiên tòa phúc thẩm, bị hại chị Đào Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị hại về hình phạt:

Trong đơn kháng cáo, bị hại Đào Thị T kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo với lý do: mặc dù bị cáo thấy bị hại là phụ nữ khuyết tật nặng, đang mang thai và nuôi con nhỏ nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vì vậy mức hình phạt 12 tháng tù của bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là chưa thích đáng với tính chất phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy, bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus trị giá 1.000.000 đồng của bị hại Đào Thị T, tài sản này có giá trị dưới 2.000.000 đồng, tuy nhiên do bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi bị hại đang có thai và là người khuyết tật nặng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo còn là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án và xử lý hành chính đều về hành vi trộm cắp tài sản, thể

hiện ý thức coi thường pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, tài sản bị chiếm đoạt đã kịp thời được thu hồi và trả cho bị hại trong quá trình điều tra. Với những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức hình phạt 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; đảm bảo tác dụng trừng trị, răn đe, phòng ngừa chung và tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cơ sở để không chấp nhận kháng cáo của bị hại là phù hợp nên chấp nhận.

Từ sự phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại đối với bị cáo; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

[4] Về án phí: bị hại có kháng cáo và không được chấp nhận nhưng không thuộc trường hợp phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đào Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i, k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H: 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2024.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị hại Đào Thị T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHAHS, CQCSĐT Công an thị xã Đông Triều;
- VKS, TAND, Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Nhật Duật